

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2017/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 9 năm 2017
V/v: “*tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI – TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Quốc Khởi**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thành Nhạn**

2. Ông **Lương Chí Nguyên**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Võ Minh Thu** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GR tham gia phiên tòa:* Bà **Phan Ngọc Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã GR xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ánh T** – sinh năm 1989

Cư trú tại: ấp 10..., xã TP, thị xã GR, tỉnh BL

Bị đơn: Anh **Trương Thanh T** – sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp 22..., thị xã GR, tỉnh BL

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh T bày theo đơn khởi kiện và lời khai:***

- Về hôn nhân: Chị T và anh T sống chung với nhau như vợ chồng, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phong Thạnh A ngày 23/02/2012. Quá trình sống chung vợ chồng chị T và anh T có nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc nên dẫn đến ly thân nhau. Trong thời gian ly thân được gia đình thống nhất cho ly hôn nhau vào ngày 25/7/2013. Nay chị T xác định cuộc

sống chung vợ chồng với anh T không thể kéo dài nên có yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng với anh T giữa chị T và anh T có một người con chung tên Trương Phúc Thịnh – sinh ngày 06/6/2012 và hiện tại đang sống chung với anh T từ khi ly thân cho đến nay. Khi được ly hôn chị T đồng ý giao con chung cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị T xin tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: chị T không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về tài sản. Chị T và anh T không có nợ chung ai và không có ai nợ chung chị T và anh T.

Bị đơn anh Trương Thanh T trình bày theo lời khai:

Về hôn nhân: anh T thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian sống chung, thời gian ly thân và lý do mâu thuẫn dẫn đến ly thân. Nay, chị T có yêu cầu được ly hôn với anh T, anh T không đồng ý với lý do chị T gửi đơn ra Tòa án mà không báo trước cho anh T biết. Ngoài ra trong thời gian ly thân chị T có sống chung với người khác nên anh T không đồng ý ly hôn và có nguyện vọng được hàn gắn hôn nhân.

Về con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng giữa chị T và anh T có một người con chung tên Trương Phúc Thịnh – sinh ngày 06/6/2012 và hiện tại đang sống chung với anh T từ khi ly thân cho đến nay. Khi được ly hôn anh T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Thịnh và không có yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có nên anh T không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và có ý kiến được ly hôn với anh T, không có nguyện vọng được hàn gắn.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Diễn biến tại phiên tòa thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo luật định, những người tham gia phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 của luật Hôn nhân gia đình 2014.

- Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ánh T.

- Về con chung: tiếp tục giao cháu Trương Phúc Thịnh, sinh ngày 06/06/2012 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Do anh T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị T.

- Về tài sản: do các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi nghiên cứu vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Nguyễn Thị Ánh T có yêu cầu khởi kiện được ly hôn với anh Trương Thanh T và anh T có địa chỉ tại ấp 22..., thị xã GR, tỉnh BL nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã GR theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về tố tụng: Do anh Trương Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: chị T xác định chị và anh T sống chung vợ chồng với nhau vào năm 2011, khi về sống chung vợ chồng do chị T và anh T tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo tại UBND xã Phong Thạnh A ngày 23/02/2012. Trong cuộc sống chung vợ chồng với anh T có phát sinh nhiều mâu thuẫn nên dẫn đến ly thân nhau vào ngày 25/7/2013. Nay, chị T xác định đời sống chung vợ chồng với anh T không có hạnh phúc và không thể kéo dài nên chị có yêu cầu được ly hôn với anh T. Anh T không đồng ý ly hôn với chị T với lý do chị T gửi đơn ra Tòa án mà không báo trước cho anh T biết. Ngoài ra trong thời gian ly thân chị T có sống chung với người khác nên anh T không đồng ý ly hôn và có nguyện vọng được hàn gắn hôn nhân với chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong đời sống chung vợ chồng giữa chị T và anh T theo anh chị xác định không có mâu thuẫn lớn, nhưng chị T và anh T đã ly thân nhau từ ngày 25/7/2013 và đã được gia đình hai bên thống nhất cho ly hôn và thực tế từ khi hai bên gia đình thống nhất cho ly hôn thì chị T và anh T không còn sống chung vợ chồng với nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để anh chị được đoàn tụ nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn mặc dù anh T có yêu cầu được hàn gắn hôn nhân. Mặt khác, theo địa phương cung cấp thì giữa chị T và anh T đã ly thân nhau từ năm 2013 cho đến nay và từ đó đến nay chị T và anh T không còn sống chung với nhau. Từ đó thấy rằng, đời sống chung vợ chồng giữa chị T và anh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ánh T.

Về nuôi con chung: giữa chị T và anh T có một người con chung tên Trương Phúc Thịnh – sinh ngày 06/6/2012 hiện đang sống chung với anh T, giữa chị T và anh T không có con nuôi. Khi được ly hôn, chị T đồng ý để anh T được tiếp tục

nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Thịnh và xin tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con. Anh T đồng ý được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Thịnh và không có yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của đương sự và sự tự nguyện này không trái pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản: do chị T và anh T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị Ánh T có nghĩa vụ chịu tiền án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 85; Điều 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về “định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Trương Thanh T.

2. Về nuôi con chung: ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị T và anh T. Tiếp tục giao cháu Trương Phúc Thịnh, sinh ngày 06/6/2012 cho anh Trương Thanh T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu Thịnh tròn 18 tuổi.

Do anh T không có yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi cháu Thịnh, nên tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị T. Chị T không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: do chị T và anh T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Ánh T phải chịu với số tiền 300.000 đồng, chị T đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008652 ngày 19 tháng 5 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GR nên được chuyển sang thu án phí.

Anh Trương Thanh T không phải nộp án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thị xã GR;
- THA dân sự thị xã GR;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Quốc Khởi